

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ  
TỈNH ĐG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 12-5-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ - TỈNH ĐG NAI**

***Thành phần Hội Đg xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà **Trương Thị Thịnh**

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông **Nguyễn Minh Toàn**

2. Ông **Lê Đình Khôi**

***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đg Nai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đg Nai tham gia phiên tòa:*** Bà **Lại Thị Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đg Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Ka Đ**, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đg Nai

Bị đơn: Anh **K’L**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đg Nai

(Chị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt không lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2021, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Ka Đ trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K’L tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2000, tại Ấp A, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đg Nai. Do am hiểu pháp luật hạn chế nên chị và anh L không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng chị đầm ấm, hạnh phúc 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L hay sử dụng rượu bia, không phụ giúp chị về kinh tế gia đình, vợ chồng chị đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn nhưng tình hình không được cải thiện. Hiện nay chị và anh L đã không còn sống chung với nhau, không ai quan tâm đến ai. Tình cảm vợ chồng không còn, chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh K'L.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Theo chị Đ, vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh K' L mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử không có ý kiến, Đg thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.*

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao); lời khai của nguyên đơn; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội Đg xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội Đg xét xử nghị án. Bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội Đg xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ka Đ và anh K'L. Về con chung: Không có, nên không xem xét; về tài sản chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Chị Ka Đ khai không có, nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ka Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh K' L. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh K'L có nơi cư trú tại: Ấp A, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh K'L, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Đ, anh L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, Hội Đg xét xử tuyên bố không công nhận chị Đ, anh L là vợ chồng.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị Đ không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: chị Đ trình bày không có, nên không xem xét, giải quyết; đối với anh L nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Đ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội Đg xét xử, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9 và điều 14, khoản 3 Điều 53, điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Không công nhận chị Ka Đ và anh K'L là vợ chồng.**

2. Về nuôi con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về nợ chung: Chị Đ khai báo không có, nên không xem xét. Dành quyền khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng cho anh L bằng vụ án khác nếu anh L có yêu cầu

5. Về án phí: Chị Ka Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn Đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, khấu trừ vào số tiền chị Đ đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0002020 ngày 15/10/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6. Về quyền kháng cáo: Chị Đ, anh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã B (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Thịnh**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**